| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST<br>Ngày: 31-01-2023.<br>V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Bích Khiếm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Hữu Thắng

Ông Đào Khel

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Văn Ngọc Hân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 231/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số 56/3, đường TCĐ, khóm S, phường H, thành phố S, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị N, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 56/3, đường TCĐ, khóm S, phường H, thành phố S, tỉnh S.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:*

Ông và bà Phan Thị N tự nguyện sống chung, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thị xã Sóc Trăng (nay thành phố Sóc

Trăng) được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 545, ngày 12/9/2003. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến ngày 22/02/2019 bà Nđi làm ở xí nghiệp hải sản Sao Ta thì bỏ nhà ra đi đến nay không rõ tung tích, ông H nhiều lần tìm nhưng không biết bà Nở đâu nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố bà Phan Thị Nmất tích và Tòa án đã ra quyết định số 30/2022/QĐST-DS ngày 29/8/2022 tuyên bố bà Phan Thị N mất tích

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị Ncó hai (02) người con chung tên Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 21/8/2004, Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 18/3/2009 hiện nay hai con đang sống cùng ông H.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị N.

Về con chung: Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hữu H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 18/3/2009 không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Còn Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 21/8/2004 đã trưởng thành không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

*- Bị đơn, bà Phan Thị N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.*

*- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn bà Phan Thị N có quyết định tuyên bố mất tích. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Phan Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227, Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị N.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H, về quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị N không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 5, thị xã Sóc Trăng (nay là thành phố Sóc Trăng), tỉnh Sóc Trăng vào ngày 12/9/2003 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến tháng 02/2019 thì bà N đã bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay mà không có bất kỳ liên lạc với gia đình. Ông H đã tìm kiếm bà Nnhiều nơi nhưng không có kết quả. Tại tòa ông N xác định không còn tình cảm với bà N, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn và kiên quyết xin ly hôn với bà N. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng tuyên bố bà Nmất tích và Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 30/2022/QĐST-VDS ngày 29/8/2022 tuyên bố mất tích đối với bà Phan Thị N, nơi cư trú cuối cùng số 56/3, đường TCĐ, khóm S, phường H, thành phố S, tỉnh S đã mất tích. Căn cứ Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông H được ly hôn với bà Nhu.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn T, (nam, sinh ngày 18/3/2009), đến khi cháu Thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu bà Phan Thị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu T ngày 05/12/2022 cháu T đồng ý được sống chung với ông H và hiện nay cháu T đang sống chung với ông H. Xét thấy, từ khi ông H và bà N không còn sống chung với nhau đến nay, ông H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, hiện nay về tâm sinh lý phát triển bình thường và được đi học đầy đủ, đồng thời yêu cầu này của ông H cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thành. Xuất phát từ mọi lợi ích của cháu T. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H giao cháu Thành cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi

cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp. Riêng cháu Nguyễn Tuấn Đ, (nam, sinh ngày 21/8/2004) đã trên 18 tuổi có cuộc sống riêng, có khả năng lao động, ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông H không yêu cầu bà Nthực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Bà Phan Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng: Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu H được ly hôn với bà Phan Thị N.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng:

Giao con chung tên Nguyễn Tuấn T, (nam, sinh ngày 18/3/2009) cho ông Nguyễn Hữu H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Phan Thị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phan Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hữu H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai số 0000731 ngày 06/10/2022 Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; ông H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Phan Thị N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường 5, TPST, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

**Lý Bích Khiếm**